TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 561/2019/HS-PT
Ngày 25 tháng 9 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Đỗ Đình Thanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Vi Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 155/2018/HSPT-TL ngày 27 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Duy B do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy B, kháng cáo của bị hại H đối với bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HSST ngày 20/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Các bị cáo không có kháng cáo, bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

1. Nguyễn Bá T*(Tên gọi khác:T1)* sinh năm 1976, tại tỉnh Bình Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T2, thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai; tạm trú: Thôn 2, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Bá X*(Đã chết)* và bà Nguyễn Thị H1*(tên thường gọi là Nguyễn Thị N - Sinh năm 1956)*; có vợ là Nguyễn Thị Kim L*(sinh năm: 1976)*- đã ly hôn; có 05 con *(lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2015);* nhân thân: ngày 15/3/1999, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 18 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*"; ngày 30/7/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*", đã chấp hành xong hình phạt; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 22/11/2017, đang bị tạm giam – có mặt.

2. **Lê Trần Đăng K***(Tên gọi khác:R),* sinh năm 1998 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 10, phường T3, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Công Q1(*sinh năm: 1973*) và bà

Trần Thị Bích N1(*sinh năm: 1975*); bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/11/2017, đang bị tạm giam – có mặt.

3. Triệu Hương D(*Tên gọi khác Triệu Văn D, Tý*) sinh năm 1992 tại Đăk Lăk; nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường T4, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc: Mán; tôn giáo: không; con ông Triệu Văn M, sinh năm 1956; con bà Phùng Thị M1, sinh năm 1971; tiền án: ngày 17/6/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuật xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", ngày 18/8/2016 chấp hành xong hình phạt; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/10/2018, đang bị tạm giam – có mặt.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

Nguyễn Duy B, sinh năm 1992 tại tỉnh Hà Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 7, xã T5, huyện K1, tỉnh Hà Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; trình độ học vấn: không;nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Xuân T6 và bà Nguyễn Thị B2*(Đều đã chết);* tiền án: ngày 25/5/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Buk tuyên phạt 06 tháng tù, trong thời gian được tại ngoại chuẩn bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, ngày 13/10/2011 thực hiện hành vi phạm tội cố ý gây thương tích tại phường Tân An, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk, ngày16/8/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuật tuyên phạt 6 năm 6 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của hai bản án là 7 năm tù, đến 29/8/2017 chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/11/2017, đang bị tạm giam – có mặt.

(Ngoài ra, còn có bị cáo **Lê Minh Đ1***(Tên gọi khác:Nhỏ)* không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị).

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:

Bị hại: Bà H; địa chỉ: thôn 3B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người bào chữa chỉ định cho các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Duy B, Triệu Hương D và Lê Trần Đăng K: Ông Nguyễn Trung C– Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Ông Bùi Quang T7, luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Ông Trần Hoa V; địa chỉ: thôn 3B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

2. Bà Phạm Thị C1; địa chỉ: thôn 3B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

3. Bà Giang Thị M2; địa chỉ: thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt.

4. Bà Trần Thị Mỹ N2; địa chỉ: thôn Đ2, xã Đ3, huyện Đ4, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 10/7/2015 đến ngày 21/3/2016, bà H, (*gọi tắt là H)* vay của vợ chồng ông Trần Hoa V (*sinh năm: 1976*) và bà Phạm Thị C1 *(sinh năm: 1986)* số tiền 700.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả nợ là cuối tháng 3 năm 2016. Trong quá trình vay tiền bà H đều trả tiền lãi hàng tháng theo đúng thỏa thuận. Tuy nhiên từ tháng 3 năm 2016 đến tháng 8 năm 2017, bà H không trả tiền lãi cũng như tiền gốc cho vợ chồng V C1. Cũng trong thời gian này, bà H còn nợ số tiền đã vay của bà Giang Thị M2 650.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ, vợ chồng ông V bà C1 cũng như bà M2 nhiều lần đòi nợ nhưng bà H không trả và cố tình lẫn trốn.

Khoảng tháng 8/2017, Trần Hoa V gặp Nguyễn Bá T, là bạn cũ của V. Sau đó, V có nói với T việc bà H nợ vợ chồng V số tiền 700.000.000 đồng đã hơn 01 năm, tính cả gốc và lãi khoảng 1.400.000.000 đồng, đã bỏ đi đâu gọi điện thoại thì không nghe. Nghe vậy, T nói để T đòi nợ giúp cho, V đồng ý và nói nếu đòi được V cho T số tiền lãi là 700.000.000 đồng. Đến khoảng đầu tháng 9 năm 2017, trong lúc ngồi uống cà phê tại xã Q, huyện Đ, T ngồi gần bàn của bà M2 nên T nghe được sự việc bà H nợ tiền của bà M2. Khoảng đầu tháng 10 năm 2017, Tcó nhờ Lê Minh Đ1 và các đối tượng Cao T8, Hoàng *(chưa rõ nhân thân lai lịch*) tìm kiếm bà H giúp T.

Khoảng 18 giờ ngày 16/11/2017, Hoàng gọi điện thoại cho Nguyễn Bá T và nói thấy xe của bà H đậu ở bến xe liên tỉnh Đắk Lắk, đêm ngày 16/11/2017 sẽ xuất bến đi về hướng tỉnh Đắk Nông. Lúc này, Nguyễn Bá T gọi điện thoại cho Lê Minh Đ1 nói với Đ1 việc bà H nợ tiền không trả nếu đòi được tiền sẽ được trả công. T nói Đ1 ra bến xe khách liên tỉnh Đắk Lắk kiếm xe tải của bà H để khi nào xe đi thì bám theo chặn xe đòi nợ, Đ1 đồng ý. T tiếp tục gọi điện thoại cho X1 *(chưa rõ nhân thân lai lịch)* nói cho X1 biết nội dung như T vừa nói với Đ1, đồng thời nói X1 liên hệ với Đ1 để ra bến xe cùng Đ1. Sau đó, T nói với Nguyễn Duy B về việc đi đòi nợ bà H sẽ được trả công nên B nói với T để B gọi thêm vài người nữa. B liền gọi điện thoại cho Triệu Hương D rủ tham gia đi đòi nợ nên D đồng ý. Sau đó, D gọi thêm Lê Trần Đăng K, Hưng, Thiện, Khôi, Lý, Tuấn và một số đối tượng chưa rõ nhân thân lai lịch. Tất cả những đối tượng này đã thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Innova 07 chổ, BKS 47A-11585 của anh Hồ Sỹ V1(*sinh năm: 1988*), trú tại tổ 3, Buôn K2, xã C2, huyện C3, tỉnh Đắk Lắk và 01 xe ô tô biển kiểm soát 47A-17988 của hãng taxi Q2 do anh Phùng Văn T9*(sinh năm: 1995)*, trú tại: thôn 21, xã E, huyện C4, tỉnh Đắk Lắk điều khiển. Còn T lúc này đã chủ động gọi điện thoại cho bà M2 và nói T đang tìm bà H đòi nợ cho vợ chồng V C1, bà M2 có đòi không để T đòi luôn cho. Bà M2 đồng ý và nói đến nay cả gốc và lãi là 800.000.000 đồng, T lấy được, bà M2 cho T 300.000.000 đồng; T tiếp tục gọi điện thoại cho V thông báo về việc đã tìm được bà H. Sau đó bà C1 và bà M2 đưa giấy vay tiền (*bản phô tô*) cho T.

Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 17/11/2017, xe ô tô tải của bà H rời khỏi bến xe khách liên tỉnh Đắk Lắk, Đ1 gọi điện thoại thông báo cho T biết. Lúc này, T

đang ở phòng trọ tại thôn 2, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cùng với chị Trần Thị Mỹ N2 *(sinh năm: 1981)*, trú tại: thôn Đ2 xã Đ3, huyện Đ4, tỉnh Đắk Nông (*N2 là bạn gái của T)*, Nguyễn Duy B ở phòng bên cạnh nên T gọi B và N2 lên xe ô tô BKS 48A – 06232 (*xe ô tô này của chị N2*) do T điều khiển đi về hướng cầu 20 thuộc xã Nâm N' Jang, huyện Đắk Song, trên đường đi thì T nhận được điện thoại của Đ1 gọi cho T nói sắp đến cầu 20, T nói với Đ1 "*khi xe tới khu vực ngã tư cầu 20 thì chặn xe lại"*. T đi qua ngã tư cầu 20 khoảng 40m (*hướng về Đắk Lắk*) thì dừng xe ô tô lại sát lề đường rồi bật đèn ưu tiên cùng B đứng cạnh xe đợi xe ô tô tải của bà H. Đến khoảng 02 giờ 15 ngày 17/11/2017, xe ô tô tải của bà H đến khu vực ngã tư cầu 20 thì bị 03 xe ô tô trên chặn đầu và yêu cầu dừng lại. Lúc này, trên xe ô tô tải có bà H, anh Trịnh Văn P(*sinh năm: 1991*), trú tại thôn Minh Đức, xã Triệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa và anh Đặng Ngọc Q3*(sinh năm: 1993)*, trú tại: thôn Quyết Thắng 2, xã Ea Tý, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lăk, là hai tài xế lái xe của bà H. T cùng B, D, K, Đ1, X1, Hưng, Khôi, Tuấn, Thiện, Lỳ bắt ép bà H xuống xe ô tô tải rồi bắt lên xe ô tô BKS 47A-17988 do anh Phùng Văn T9 điều khiển đi về hướng xã Q, huyện Đ, còn Lê Minh Đ1 và 02 đối tượng nữa lên xe tải yêu cầu tài xế của bà H đi theo xe của T. Khi đến bãi đất trống, vắng người cách ngã tư cầu 20 khoảng 7km, T cùng B, D, K, Đ1, X1, Hưng, Khôi, Tuấn, Thiện, Lỳ bắt bà H xuống xe. Lúc này, T mới thông báo cho bà H biết việc Trần Hoa V và Giang Thị M2 ủy quyền cho T lấy số tiền nợ từ bà H, T gọi điện thoại cho V, để cho bà H nói chuyện với V, bà H nói: "*V ơi, sao em để anh em đưa chị vào đây, số nợ của em để từ từ chị sẽ trả, sao em làm vậy"*, V trả lời: " *Tôi có biết gì đâu, số tiền mà chị nợ là của ông T, chị hứa hết lần này đến lần khác, có xin thì chị xin ông T đó*", rồi tắt máy.

Sau khi gọi cho V xong, T cùng B, D, K, Đ1, X1, Hưng, Khôi, Tuấn, Thiện, Lỳ yêu cầu bà H ghi giấy nợ thể hiện nội dung nợ bà Phạm Thị C1 số tiền 1.400.000.000 đồng, nợ bà Giang Thị M2 số tiền 800.000.000 đồng nhưng bà H không đồng ý nên T, Hưng, tát vào mặt bà H 01 cái, Đ1 thì xô bà H ngã xuống đất. Bị đánh, bà H đồng ý ghi theo nội dung mà T yêu cầu. Sau khi viết giấy nợ xong, T tiếp tục yêu cầu bà H viết giấy thế chấp và giấy bán xe ô tô tải BKS 48C-02761 của bà H cho T với số tiền 2.200.000.000 đồng. Lúc này, Đ1 kiểm tra giỏ xách của bà H phát hiện bên trong giỏ có 50.000.000 đồng tiền mặt và một số đồ trang sức, T lấy 50.000.000 đồng này. Đến khoảng 5 giờ sáng, Đ1 đòi về nên T đưa cho Đ1 25.500.000 đồng. Đ1 dùng số tiền này trả tiền thuê 02 xe ô tô hết 5.500.000 đồng; Đ1 chia cho X1 và một số đối tượng đi cùng, mỗi người 3.000.000đồng, còn lại Đ1 giữ 5.000.000 đồng. Đ1 cùng X1 và một số đối tượng lên xe ô tô đã thuê về lại Đắk Lắk; K, D, Hưng ở lại đi cùng với T, B đưa bà H cùng 02 tài xế của bà H vào Q, huyện Đ để gặp ôngV, bà Công và bà Mùi.

Đến khoảng 7 giờ cùng ngày, T đưa bà H đến quán cà phê Hoàng Phương thuộc xã Q, huyện Đ gặp bà C1 và bà M2. Tại đây, bà C1, bà M2 xác nhận nợ với bà H và viết giấy ủy quyền cho T đòi nợ rồi đi về. Lúc này, T thuê 01 xe ô tô loại 07 chỗ do anh Quách Thế Đ5 (*sinh năm: 1976*), trú tại thôn 3 A, xã Q, huyện Đ điều khiển chở bà H cùng 02 tài xế đi về hướng thị xã Gia Nghĩa (*lúc này bà H đi trên xe của anh Đ5 cùng với B, Hưng, K và 02 tài xế của bà H*). Khi đến Văn phòng công chứng V2 thuộc tổ 2, phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa, T đi vào

phòng công chứng để hỏi về việc làm hợp đồng mua bán xe ô tô tải của bà H, nhưng giấy tờ xe là bản phô tô nên không làm hợp đồng được. Sau đó, T cùng với Hưng, K, B, D và bà H đi lòng vòng thị xã Gia Nghĩa. Khi đi trên xe, K luôn quát nạt, yêu cầu bà H đưa thêm tiền do bị ép buộc nên bà H đồng ý vay tiền của bạn bè. Lúc này xe dừng lại trên đường tránh thị xã Gia Nghĩa, T đưa số tài khoản của mình cho bà H, bà H gọi điện thoại cho chị Nguyễn Thị P1(*sinh năm: 1974*), trú tại khối 4, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn chuyển vào tài khoản của Nguyễn Bá T số tiền 70.000.000 đồng và anh Trần Đình H2, trú tại khu phố 2, phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa chuyển vào tài khoản của T số tiền 80.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, T điều khiển xe chở bà H cùng hai tài xế về Q lấy xe ô tô tải cho bà H đi về. Số tiền 150.000.000 đồng sau khi lấy được, T đưa cho K, D, Hưng tổng cộng 70.000.000 đồng, Hưng đưa cho K 16.000.000; đưa cho D 25.000.000 đồng, sau đó D về đưa thêm cho Đ1 5.000.000 đồng; đối với Nguyễn Duy B, T đưa cho chiếc xe mô tô BKS 47P9 – 7127 để sử dụng (*Tiền công của B*)

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, vật chứng:

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông tạm giữ:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu DAEWOO, BKS 48A- 062.32; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 48A-062.32; 01 giấy chứng nhận kiểm định số KC3685359 đối với xe ô tô BKS 48A-062.32 mang tên Trần Thị Mỹ N2;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, BKS 47P9 – 7127; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Vũ Hoàng Anh.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu trắng, số Imei 1: 354271068112662, số Imei 2: 354271068112670; 01 thẻ ATM của ngân hàng BIDV, số thẻ 9704180071441117 của Nguyễn Bá T;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, vỏ màu trắng có gắn sim của Lê Minh Đ1;

Phần dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, gia đình bị cáo Lê Trần Đăng K đã bồi thường cho bà Hsố tiền 16.000.000 đồng; bà Hxin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Trần Đăng K và Nguyễn Duy B.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HSST ngày 20/02/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Duy B, Triệu Hương D, Lê Trần Đăng Kvà Lê Minh Đ1 phạm tội *"Cướp tài sản"*.

1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Bá T 14 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 22/11/2017.

2. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Duy B 12 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 25/11/2017.

3. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Triệu Hương D 12 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 29/10/2018.

4. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Lê Trần Đăng K 8 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 30/11/2017.

5. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Lê Minh Đ1 7 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 25/11/2017.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/02/2019, bị cáo Nguyễn Duy B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, bị cáo Nguyễn Bá T có đơn kháng cáo. Việc kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bá T là quá thời hạn quy định tại Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 02/2019/QĐ-PT ngày 24/6/2019 đã quyết định "Không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của bị cáo Nguyễn Bá T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HSST ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông. Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HSST ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông được xem xét theo quy định pháp luật do bị hại H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù cho các bị cáo Nguyễn Bá T, Triệu Hương D, Nguyễn Duy B và Lê Trần Đăng K".

Ngày 04/3/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-P3 kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HSST ngày 20/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông về phần tội danh và khung hình phạt của các bị cáo Nguyễn Bá T, Triệu Hương D, Nguyễn Duy B và Lê Trần Đăng K. Ngày 24/6/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã có Quyết định số 01/QĐ/VKS-P3 rút kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ/VKS-P3 ngày 04/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông. Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Thông báo về việc rút kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Ngày 05/3/2019 bị hại H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù cho các bị cáo Nguyễn Bá T, Triệu Hương D, Nguyễn Duy B và Lê Trần Đăng K; xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Hoa V, bà Phạm Thị C1, bà Giang Thị M2 và bà Trần Thị Mỹ N2 đã có vai trò đồng phạm trọng vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Duy B vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị hại H rút một phần nội dung kháng cáo đối với việc đề nghị xem

xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Hoa V, bà Phạm Thị C1, bà Giang Thị M2 và bà Trần Thị Mỹ N2, vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Bá T, Triệu Hương D, Nguyễn Duy B và Lê Trần Đăng K.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Bị hại H rút một phần nội dung kháng cáo đối với việc đề nghị xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Hoa V, bà Phạm Thị C1, bà Giang Thị M2 và bà Trần Thị Mỹ N2, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo B và kháng cáo của bà H xin giảm hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Bá T, Triệu Hương D, Nguyễn Duy Bvà Lê Trần Đăng K: Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội Cướp tài sản là đúng, không oan sai. Các tình tiết giảm nhẹ, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, cân nhắc vai trò và nhân thân của các bị cáo. Bị cáo T vai trò chủ mưu, mức án 14 năm tù là phù hợp. Bị cáo D, B, K đồng phạm giúp sức, có tiền án, tái phạm, mức án cho các bị cáo phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, y án sơ thẩm.

Bị cáo B trình bày: Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Số tiền chiếm đoạt không đúng.

Bị cáo K trình bày: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo T trình bày: Xin Hội đồng xét xử xem xét số tiền chiếm đoạt và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo D trình bày: Xin Hội đồng xét xử xem xét số tiền chiếm đoạt và đồng ý kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của bà H.

*Người bào chữa cho các bị cáo trình bày:*Các bị cáo có hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại, thống nhất tội danh Viện kiểm sát và cấp sơ thẩm đã áp dụng. Bà H xác nhận số tiền 50.000.000 đồng có lấy tiền ra đổ xăng, mong Hội đồng xét xử xem xét. Bị cáo chiếm đoạt 150.000.000 đồng chuyển qua tài khoản. Không thống nhất với Viện kiểm sát về điều khoản áp dụng. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b Khoản 3 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 chưa hợp lý. Theo Điều 2 Nghị quyết 41/2017 thì phải áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo T mục đích đòi nợ thay, không có ý thức chiếm đoạt tài sản của bị hại, hành vi bộc phát chiếm đoạt tài sản của bị hại khi phát hiện bị hại có tiền. Bị cáo không muốn cướp tài sản của bị hại, chỉ muốn trừ nợ của bị hại. Bị cáo B cũng như các bị cáo khác đi theo để đòi nợ, vai trò đòi nợ thứ yếu, bị cáo B có can ngăn bị cáo khác xâm phạm sức khỏe của bị hại. Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã tịch thu xe honda, số tiền bị cáo T cho bị cáo B, cơ quan điều tra không xác định số tiền chiếc xe vào thời điểm phạm tội. Án sơ thẩm không kết luận giám định tài sản có giá trị bao nhiêu. Bị cáo B không biết bồi thường cho bà H bao nhiêu tiền. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt để quyết định điều khoản áp dụng cho hợp lý.

Bị hại H trình bày: Xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H trình bày: Án sơ thẩm xử có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa, bị hại Hrút một phần nội dung kháng cáo đối với việc đề nghị xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Hoa V, bà Phạm Thị C1, bà Giang Thị M2 và bà Trần Thị Mỹ N2, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này. Bà H xin giảm hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Bá T, Triệu Hương D, Nguyễn Duy B và Lê Trần Đăng K: Tòa án cấp sơ thẩm xử các bị cáo mức án tù từ 08-12 năm tù. Các bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải hành vi phạm tội của mình với bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt ở mức tối đa cho các bị cáo. Gia đình bị cáo B có liên hệ bà H xin được bồi thường và luật sư có nhận số tiền 1.000.000 đồng ghi rõ nội dung khắc phục hậu quả.

Bị hại H trình bày: Bà chưa có nhận tiền khắc phục của gia đình bị cáo B, có thể cho bà nhận tiền luật sư nhận ngay tại phiên tòa này.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tranh luận: Qúa trình thu thập chứng cứ khách quan, người bị hại khai ổn định, không bị ép cung, nhục hình. Tại bản tự khai ngày 15/6/2018 bị hại tự viết T trình về việc cướp tài sản, khai rõ số tiền bị cướp là 50.000.000 đồng và bắt bị hại chuyển khoản số tiền 150.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b Khoản 3 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 không sai vì mức hình phạt của khoản 3 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 và Khoản 3 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 không có gì thay đổi. Tổng số tiền chiếm đoạt là 200.000.000 đồng. Gia đình bị cáo B khắc phục hậu quả số tiền 1.000.000 đồng, bị hại xác định đã không nhận tiền của bị cáo B và không có ủy quyền cho luật sư nhận tiền, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày: Việc chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng, anh tài xế lấy ra để đổ xăng, bị hại không biết. Tài xế mới nhớ và báo lại bị hại. Hội đồng xét xử xem xét. Bị cáo B tác động gia đình bồi thường chọ bị hại 1.000.000 đồng. Án sơ thẩm không xác định giá trị thu lợi bất chính chiếc xe bao nhiêu, gia đình bị cáo B không biết đưa bao nhiêu cho bị hại. Gia đình bị cáo B liên hệ bị hại không được, thông qua luật sư của bị hại gửi lại cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều luật cho chính xác, mức án hai điều luật giống nhau.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Duy B, Lê Trần Đăng K, Triệu Hương D khai nhận hành vi của mình đúng như nội dung Bản án sơ thẩm đã nêu.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai những người làm chứng và các tài liệu khác đã có trong hồ sơ.

Xuất phát từ việc vợ chồng ông Trần Hoa V, bà Phạm Thị C1 và bà Giang Thị M2 nhờ Nguyễn Bá T đòi nợ của bà H. Vào khoảng 4 giờ 40 phút, ngày 17/11/2017, tại xã Nâm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, Nguyễn Bá T cùng với Nguyễn Duy B, Lê Trần Đăng K, Triệu Hương D, Lê Minh Đ1và các đối tượng Hưng, X1, Thiện, Lỳ, Tuấn, Khôi cùng một số đối tượng khác chưa rõ nhân thân lai lịch đã chặn xe ô tô của bà H; các bị cáo đã lôi bà H từ trên xe tải xuống, khống chế đưa lên xe ô tô chở đến bãi đất trống cách cầu 20 khoảng 7 Km, tại đây T, Hưng dùng tay tát vào mặt của bà H, Đ1 xô ngã bà H xuống đất để yêu cầu bà H viết giấy nợ, trong quá trình đòi nợ phát hiện thấy trong túi xách bà H có 50.000.000 đồng, các bị cáo đã chiếm đoạt số tiền trên. Sau đó, Lê Minh Đ1 đi về, T lấy số tiền 50.000.000 đồng chiếm đoạt của bà H đưa cho Đ1 25.500.000 đồng. Nguyễn Bá T, Nguyễn Duy B, Triệu Hương D, Lê Trần Đăng K và Hưng tiếp tục khống chế và đưa bà H vào Q gặp các chủ nợ, rồi đưa bà H ra thị xã Gia Nghĩa để làm thủ tục bán xe ô tô tải; do không làm thủ tục được nên các bị cáo lại tiếp tục khống chế và chở bà H đi lòng vòng thị xã Gia Nghĩa, yêu cầu bà H phải trả thêm tiền, bà H nói không có tiền nên bị D, K tát vào mặt, do sợ hãi nên bà H đã nhờ chị Nguyễn Thị P1 và anh Trần Đình H2 chuyển vào tài khoản của Nguyễn Bá Tsố tiền 150.000.000 đồng. Sau đó, T đã rút 150.000.000 đồng từ tài khoản để chia cho các đồng phạm và sử dụng cá nhân.

Tổng cộng các bị cáo đã chiếm đoạt của bà H 200.000.000 đồng; bị cáo T chia cho Đ1 25.500.000 đồng, chia cho Hưng 70.000.000 (Hưng đưa cho K 16.000.000 đồng; đưa cho D 25.000.000 đồng, D đưa thêm cho Đ1 5.000.000 đồng); số tiền còn lại 104.500.000 đồng bị cáo T đã tiêu xài cá nhân hết.

Các bị cáo cho rằng số tiền trong túi xách của bà H mà các bị cáo chiếm đoạt không đủ 50.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, các bị cáo đều thừa nhận số tiền này là 50.000.000 đồng, lời khai này của các bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại H. Bà H chứng minh được nguồn gốc số tiền này.

[2] Tòa án cấp phúc thẩm xem xét phần nội dung của Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HSST ngày 20/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo theo quy định tại Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy B và bị hại H, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Duy B, Lê Trần Đăng K, Triệu Hương D về tội "Cướp tài sản" theo điểm b khoản 3 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội.

Các bị cáo T, B, D, K và Đ1 bị xử về tội *"Cướp tài sản"* theo Điều 133 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt của bà H tổng cộng 200.000.000 đồng.

Sau khi dùng vũ lực chiếm đoạt được số tiền 50.000.000 đồng, các bị cáo T, B, D và K tiếp tục khống chế đưa bà H lên xe ô tô đi lòng vòng thị xã Gia Nghĩa, trên đường đi các bị cáo liên tục chửi bới, dùng số đông để đe dọa, dùng tay đánh và tát vào mặt của bà H, bà H quá sợ hãi nên đã nhờ chị P1 và anh H2

chuyển số tiền 150.000.000 đồng vào tài khoản của T, như vậy các bị cáo đã thực hiện hành vi khống chế bà H trong thời gian dài, liên tục từ 02 giờ sáng ngày 17/11/2017 đến chiều, trong lúc khống chế các bị cáo còn thực hiện hành vi đe dọa và dùng vũ lực làm cho bà H lâm vào tình trạng không thể chống cự được buộc bà H phải nhờ người chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo T để được T tha cho về. Sau đó T đã rút số tiền 150.000.000 đồng do bà H chuyển vào tài khoản của T chia cho các đồng phạm và sử dụng cá nhân.

[2.2] Về hình phạt: Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe và chiếm đoạt tài sản của bà H; các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách liều lĩnh, quyết liệt thể hiện ý thức xem thường pháp luật, xem nhẹ quyền sở hữu về tài sản và sức khỏe của người khác.

Bị cáo Nguyễn Bá T là người khởi xướng, rủ rê và là người cầm đầu, chỉ huy các bị cáo khác cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo cũng là người thực hiện hành vi khống chế, đánh đập bà H và trực tiếp chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng của bà H; bị cáo cũng là người chia số tiền chiếm đoạt được cho các bị cáo khác.

Các bị cáo Nguyễn Duy B, Triệu Hương D, Lê Trần Đăng K là đồng phạm với vai trò là người thực hành tích cực, các bị cáo đều tham gia vào việc khống chế, đe dọa và đánh đập bà H, K được chia 16.000.000 đồng, D được chia 20.000.000 đồng, B được T trả công cho 01 chiếc xe mô tô.

Bị cáo B và Đ1 có 01 tiền án; bị cáo D có 02 tiền án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Duy B, Triệu Hương D, Lê Trần Đăng K. Bị cáo B đã tự nguyện bồi thường cho bà H một triệu đồng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho các bị cáo. Hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với các bị cáo là phù hợp.

[2.3] Bị hại H đã rút lại kháng cáo đề nghị xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Trần Hoa V, bà Phạm Thị C1, bà Giang Thị M2, chị Trần Thị Mỹ N2. Việc rút lại kháng cáo của bà H hoàn toàn tự ngyện, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này của bà H.

[3] Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo B, kháng cáo của bị hại H, giữ nguyên án sơ thẩm.

Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo, người bảo vệ của bị hại không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Do không được chấp nhận kháng cáo, bị cáo B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác trong quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận việc rút một phần kháng cáo của bà H đối với việc đề nghị xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Trần Hoa V, bà Phạm Thị C1, bà Giang Thị M2 và bà Trần Thị Mỹ N2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy B và bị hại H xin giảm nhẹ hình phạt. Giữ nguyên án sơ thẩm.

2.1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Bá T 14 năm tù về tội *"Cướp tài sản"*, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 22/11/2017.

2.2 Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Duy B 12 năm tù về tội *"Cướp tài sản"*, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 25/11/2017.

2.3 Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Triệu Hương D 12 năm tù về tội *"Cướp tài sản"*, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 29/10/2018.

2.4 Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Lê Trần Đăng K 8 năm tù về tội *"Cướp tài sản"*, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 30/11/2017.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo theo quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo việc thi hành án.

3. Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HSST ngày 20/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bị cáo Nguyễn Duy B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- CA tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Nông (Để tống đạt cho bị cáo) (4);
- Bị cáo khác (1);
- Bị hại (1);
- Lưu (3) T.20 (án NTT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương